TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ - ST
Ngày 25-12-2025
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Đán.

2. Bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất-Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5-Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2025/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; số định danh cá nhân: 035174000936; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường L, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Văn Bằng, sinh năm 1969; số định danh cá nhân: 035069002087; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường L, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà kết hôn với ông Đinh Văn B trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21/9/1993 tại Uỷ ban nhân xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời

gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù cả hai đã cố gắng bỏ qua cho nhau để nuôi dạy con nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trở nên trầm trọng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 5 năm 2023 đến nay không ai quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đinh Văn B.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Đinh Văn B trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa ông với bà Nguyễn Thị H và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như bà H đã trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, ông đã khuyên bảo và tha thứ cho bà H nhưng bà H vẫn không thay đổi. Nay bà H xin ly hôn, ông B xác định mặc dù vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nhưng ông không đồng ý ly hôn, nếu bà H cương quyết ly hôn là quyền của bà H, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà H và ông B thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là Đinh Thị G, sinh năm 1995 và Đinh Văn Tr, sinh năm 1997. Hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về con riêng: Bà H và ông B đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông B thống nhất tự thoả thuận phân chia, khi ly hôn không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Bà H và ông B thống nhất không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147

Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2025 của Hội đồng Thẩm phán, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Xử cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Văn B. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Văn B là hợp pháp, ông bà đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/9/1993 tại Uỷ ban nhân xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình). Sau ngày kết hôn ông bà chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, nặng nề. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn ông B. Còn ông B mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng ông cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và ông bà đã ly thân nhau từ tháng 5/2023 là thực tế, bản thân ông cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ hôn nhân giữa bà H và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho bà H được ly hôn ông B là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Bà H và ông B có hai con chung là Đinh Thị G, sinh năm 1995 và Đinh Văn Tr, sinh năm 1997. Hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về con riêng:* Bà H và ông B không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Bà H và ông B cùng thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Văn B.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001715 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. (Bà H đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Lý Thường Kiệt;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo